

Bản án số: **404/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/07/2022

V/v tranh chấp: **Ly hôn**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Thuý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông P.V.B

2. Ông Đ.N.H

Thư ký phiên tòa: Bà P.H.N - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa: Bà N.T.T.P - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 294/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2022 về việc “**Tranh chấp ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2022/QĐXX-ST ngày 12/07/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **P.B.Đ**, sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số , phố S, phường K, quận B, HN.

Nơi cư trú: Số A, ngách X, ngõ H, phường L, quận B, HN - Có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Chị **Đ.T.D**, sinh năm 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng A, H, phường T, quận T, HN

Nơi cư trú: Số B, ngách C, đường N, phường T, quận T, HN - Có mặt tại phiên tòa

NỘI D V U ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Anh P.B.Đ trình bày:

Anh kết hôn với Chị Đ.T.D ngày 03/12/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận B, HN. Đây là lần kết hôn thứ nhất của anh và chị D. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại phố S,

phường K, quận B, HN. Năm 2013, sau khi sinh con được 01 tháng thì chị D bế con về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh đã nhiều lần khuyên can, gọi chị D về nhưng chị D không về. Từ đó, vợ chồng không sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh là do vợ chồng không hoà hợp. Ngoài ra, giữa chị D và gia đình anh cũng có mâu thuẫn. Trước đây, thỉnh thoảng chị D có về nhà anh ở một hai ngày rồi lại đi. Những lúc đó, anh và chị D cũng không trao đổi, trò chuyện gì. Từ tháng 2/2022 đến nay, chị D không về nhà anh nữa. Nay anh xin ly hôn chị D vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đã sống ly thân từ nhiều năm. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là P.G.H, sinh ngày 03/03/2013.

Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm kinh doanh tự do, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đồng/ tháng. Từ khi cháu H sinh ra đến nay, mọi chi phí nuôi dưỡng cháu đều do anh chịu trách nhiệm. Khi cháu được 5 tuổi, anh đã đón cháu về trực tiếp chăm sóc. Mọi chi phí ăn uống, sinh hoạt, học tập của cháu đều do anh bỏ ra, chị D không có đóng góp gì. Nay anh muốn được tiếp tục nuôi con để tránh những xáo trộn trong cuộc sống của cháu. Gia đình anh tạo điều kiện cho bố con anh ở ổn định, lâu dài.

Về tài sản chung: Anh và chị D không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nhà đất chung: Vợ chồng không có nhà đất chung, quá trình ở cùng gia đình anh, chị D cũng không có đóng góp công sức gì.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn là Chị Đ.T.D trình bày: Chị và anh P.B.Đ kết hôn ngày 03/12/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận B, HN. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Số A, ngách X, ngõ H, phường L, quận B, HN. Chung sống hoà thuận đến tháng 3/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã cố gắng nói chuyện, hai bên gia đình đã hoà giải, khuyên can nhưng không có kết quả. Từ tháng 3/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân.

Nay anh Đ xin ly hôn chị, quan điểm của chị là đồng ý ly hôn vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là P.G.H, sinh ngày 03/03/2013.

Ban đầu chị D có quan điểm, nếu vợ chồng ly hôn, chị không có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà để anh Đ nuôi dưỡng cháu vì bản thân chị không có chỗ ở ổn định. Sau đó chị D thay đổi thoả thuận, yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/

tháng. Hiện chị làm việc tại Công ty V, thu nhập khoảng hơn 10.000.000 đồng/tháng. Chị đang ở nhờ nhà cậu ruột là ông Đ.V.H tại địa chỉ A I Tập thể T, quận T, HN. Nếu được nuôi con chị sẽ đem con về ở cùng.

Về tài sản và nhà đất chung: Chị và anh Đ không có tài sản, nhà đất chung nên nay ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Anh Đ trình bày:* Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn D vì xác định tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung: Anh giữ nguyên yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có

- *Chị D trình bày:* Chị giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn anh Đ; Về con chung: Chị đồng ý để anh Đ nuôi con với điều kiện anh Đ và gia đình anh Đ không được ngăn cản cũng như can thiệp vào việc chăm sóc con của chị, gia đình anh Đ không được nói xấu hay bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của chị trước mặt con chị; Về tài sản chung, nhà đất chung và nợ chung: Chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Anh Đ:* Nhất trí với các điều kiện chị D đưa ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa có quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng:* Về thủ tục nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án, sau khi nhận đơn và thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, Toà án đã tiến hành thụ lý và tổng đạt thông báo thụ lý cho đương sự và gửi thông báo cho Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: TAND quận Thanh Xuân đã thụ lý và xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS năm 2015; Về thủ tục hoà giải và kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Toà án đã thực hiện đúng quy định tại các điều 209, 210, 2011 BLTTDS năm 2015; Về việc thu thập chứng cứ: Toà án đã có công văn gửi Phòng lao động thương binh và xã hội quận Thanh Xuân đề nghị cho biết ý kiến về con chung để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, đã tiến hành xác minh về nơi ở hiện nay của Chị Đ.T.D. Thủ tục xác minh đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Toà án tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc cơ bản

về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội D vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ hồ sơ vụ án, xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh P.B.Đ và chị Đ.T.D; Về con chung: Giao con chung của anh chị là P.G.H, sinh ngày 03/03/2013 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị D đến khi anh Đ có yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn - Anh P.B.Đ có đơn xin ly hôn đối với Chị Đ.T.D (có địa chỉ cư trú: Số B, ngách C, đường N, phường T, quận T, HN), căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội D:

Anh P.B.Đ và Chị Đ.T.D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận B, HN theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118 ngày 03/12/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến tháng 4/2013 thì chị D về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân là do anh chị không hoà hợp về tính cách, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ khi về nhà bố mẹ đẻ ở, thỉnh thoảng chị D có qua lại nhà anh Đ nhưng vợ chồng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn. Quá trình Toà án giải quyết vụ án, cả anh Đ và chị D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và không ai có ý định muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Anh Đ xin ly hôn, chị D nhất trí ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014, việc công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung là P.G.H, sinh ngày 03/03/2013. Quá trình giải quyết vụ án, cả anh Đ, chị D đều có nguyện vọng được nuôi con chung, anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ tháng. Tại phiên toà hôm nay, chị D thay đổi quan điểm, nhất trí để anh Đ nuôi con với điều kiện anh Đ và gia đình anh Đ phải tạo điều kiện và không được can thiệp vào việc chăm sóc, giáo dục con chung của chị cũng như không được bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của chị. Anh Đ nhất trí với các yêu cầu chị D đưa ra.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh chị đã thống nhất được việc giao nuôi con chung khi ly hôn. Thoả thuận của anh chị tại phiên toà phù hợp với nguyện vọng của con chung là được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, cần tôn trọng thoả thuận của các bên và tôn trọng nguyện vọng của con chưa thành niên, giao con chung của anh chị cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, do anh Đ không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị D đến khi anh Đ có yêu cầu.

Chị D có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung (động sản+ bất động sản) chung: Anh chị thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh chị đều xác nhận không có khoản nợ chung nào nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết: Do anh Đ, chị D thuận tình ly hôn nên mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đ tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm nên ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Hà Nội, anh Đ đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1

Khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

Tuyên xử:

[1]. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh P.B.Đ và Chị Đ.T.D

[2]. Về con chung: Giao con chung của anh chị là P.G.H, sinh ngày 03/03/2013 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị D đến khi anh Đ có yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung và các khoản nợ chung:

- Về tài sản chung (gồm động sản + bất động sản chung): Anh chị thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về các khoản nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét

[4]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007794 ngày 07/06/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Anh Đ đã nộp đủ án phí

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Thanh Xuân
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS Q. Thanh Xuân
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đỗ Thị Diệu Thúy

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Thanh Xuân
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS Q. Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Diệu Thúy

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hoàng Mai
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Diệu Thúy